

# TIÊU DÙNG CÁI THIÊNG VÀ VAI TRÒ CỦA THẦY CÚNG TRONG XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

LÊ THỊ PHƯỢNG

Viện Nghiên cứu Văn hóa,  
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nhận bài ngày 21/06/2026. Sửa chữa xong 06/07/2026. Duyệt đăng 16/07/2026.

## Abstract

*This article examines folk ritual practices, including rituals for peace and well-being, votive-offering rituals, and spiritual interpretation, from the perspective of sacred consumption and ritual services in contemporary society. Drawing on ethnographic fieldwork, the article demonstrates that people actively select, use, and pay for ritual services in the expectation of addressing specific concerns relating to employment, family, health, and everyday life. In this process, ritual specialists act as intermediaries between human beings and the sacred realm. Through their ritual knowledge, their ability to interpret misfortune and unexpected events, and the perceived efficacy of the rituals they perform, they make the sacred available as a resource that people can mobilize to cope with the uncertainties of contemporary life.*

**Keywords:** Folk beliefs, modernization, ritual specialists, sacred consumption, spiritual security..

## 1. Đặt vấn đề

Các lý thuyết hiện đại hóa và thể tục hóa từng dự đoán rằng cùng với sự phát triển của khoa học, công nghệ và tư duy duy lý, vai trò của tôn giáo và các thực hành tín ngưỡng sẽ từng bước suy giảm. Tuy nhiên, thực tế ở Việt Nam cho thấy các thực hành tâm linh như xem bói, giải hạn, cầu an, trấn yểm... vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển. Sự duy trì của các thực hành này cũng đồng nghĩa với việc các chủ thể thực hành nghi lễ, đặc biệt là thầy cúng, vẫn giữ vai trò quan trọng trong đời sống tín ngưỡng. Thay vì tiếp cận tín ngưỡng dân gian như tàn dư của truyền thống hay chỉ xem nghi lễ như hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian, bài viết nhìn nhận các thực hành tín ngưỡng từ góc độ tiêu dùng cái thiêng và dịch vụ nghi lễ trong xã hội hiện đại. Từ đó, bài viết cho rằng các nghi lễ vận hành như những nguồn lực tinh thần giúp con người đối diện với các trạng thái bất định của đời sống, còn thầy cúng giữ vai trò như những chủ thể trung gian kết nối con người với thế giới thiêng.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Tiêu dùng cái thiêng như một thực hành xã hội

Khoảng ba giờ sáng một ngày gần cuối tháng Hai âm lịch năm 2026, tôi có mặt tại nhà ông Hình<sup>11</sup> ở làng An thuộc xã Đông Anh, ngoại thành Hà Nội, để tham dự một nghi lễ “giải mã” của gia đình ông Trí, chủ một doanh nghiệp sản xuất cấu kiện cho nhà lắp ghép, đến từ thành phố Bắc Ninh. Trong không gian điện thờ trên tầng ba của ngôi nhà, mùi hương đặc sánh và một số lượng lớn đồ mã, từ ngựa, voi, tam đầu cửu vĩ, thuyền rồng đến động sơn trang, hình nhân thể mạng, tiền thiên, tiền địa... đủ các kích cỡ xếp chặt kín căn phòng, khiến bầu không khí vừa trang nghiêm vừa huyền bí. Theo lời kể của một thành viên, gia đình này tìm đến thầy Hình sau một thời gian dài gặp nhiều biến cố: công việc làm ăn liên tục thua lỗ trong vài năm nay, các mối quan hệ làm ăn không mấy thuận lợi, trong khi một vài

1) Để đảm bảo tính ẩn danh trong nghiên cứu, tên làng và tên của những người cung cấp thông tin trong bài viết đã được thay đổi.

(\*) Bài viết là sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở năm 2026: “Thầy cúng trong đời sống văn hóa nông thôn đương đại (nghiên cứu trường hợp Đông Anh - Hà Nội)” do ThS. Lê Thị Phượng làm chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam là tổ chức chủ trì.

Email: phuongics801@gmail.com

thành viên trong gia đình thường xuyên xảy ra va chạm khi tham gia giao thông. Sau khi đi xem và làm lễ ở nhiều nơi mà vẫn chưa được như ý nguyện, được sự giới thiệu của một nhân viên trong công ty mà gia đình quản lý, họ tìm đến thầy Hình để làm lễ “giải mã” theo chỉ định của thầy, với hy vọng có thể hóa giải vận hạn, tìm lại sự ổn định trong công việc và các mối quan hệ làm ăn. Trước nghi lễ giải mã này chừng hai tuần, họ từng mời thầy Hình về làm lễ trấn yểm ở xưởng nhằm hóa giải những bất ổn ảnh hưởng đến công việc kinh doanh của gia đình.

Lễ giải mã mà gia đình ông Trí thực hiện bao gồm: trả nợ tào quan, trả nợ Tam - Tứ phủ cho vợ chồng ông Trí, cắt sao giải hạn cho các thành viên trong gia đình, giải ngày sinh cho cô con gái 27 tuổi<sup>21</sup>. Theo giải thích của thầy Hình, mỗi nghi lễ tương ứng với mỗi loại căn số, nghiệp nợ hay vận hạn mà gia chủ cần “trả” hoặc “giải” để cuộc sống cũng như việc làm ăn được thuận lợi hơn và với quan niệm của một thầy pháp dòng Tứ phủ, ba tháng đầu năm là khoảng thời gian thích hợp nhất để thực hiện các nghi lễ trả nợ, giải hạn hay tiến dâng. Để thực hiện khóa lễ, gia chủ có thể tự chuẩn bị lễ vật và đồ mã theo danh sách mà thầy đã hướng dẫn, hoặc giao toàn bộ cho thầy sắm sửa. Do bận rộn với các công việc tại xưởng, gia đình ông Trí đã nhờ thầy Hình và các đệ tử của thầy chuẩn bị lễ vật và làm lễ tại bản điện với tổng chi phí cho toàn bộ khóa lễ vào khoảng 60 triệu đồng.

Đối diện nhà thầy Hình, cũng trong ngày diễn ra lễ giải mã của gia đình ông Trí, gia đình ông Lục, trưởng thôn, cũng đang làm lễ dâng sao giải hạn, tiến dâng, do một thầy cúng khác - thầy Khang, là người cùng làng, làm chủ lễ. Với quan niệm “đất có thổ công, sông có hà bá”, người dân cho rằng mỗi mảnh đất mình cư trú đều có thần linh cai quản, vì vậy, trước mỗi sự kiện quan trọng của gia đình, nhất là dịp đầu năm, cần phải làm lễ trình báo và cầu xin sự phù hộ độ trì của thần linh, tổ tiên để cả năm được hanh thông và thuận lợi hơn. Khác với khóa lễ “giải mã” với nhiều nghi thức phức tạp và cần đến số lượng lớn đồ mã, lễ cầu an của gia đình ông Lục diễn ra đơn giản hơn với chi phí khoảng 3 triệu đồng, trong đó đã bao gồm 500 nghìn đồng trả lễ cho thầy. Nghi lễ chủ yếu gồm các thủ tục tiến dâng, cúng sao giải hạn và cầu bình an cho cả gia đình trong năm mới.

Giống như gia đình ông Trí, ông Lục, người dân làng An cũng như nhiều làng khác ở vùng đồng bằng Bắc Bộ cho rằng, đầu năm là thời điểm mở đầu cho chu kỳ mới của cuộc sống nên họ thường thực hiện các nghi lễ dâng sao, cầu an, tiến dâng nhằm hóa giải những điều xấu, cầu xin những điều tốt đẹp về sức khỏe, tài lộc, tình cảm. Ngoài các nghi lễ này, trước mỗi sự kiện lớn như xây nhà, khai trương cửa hàng, mua xe, cưới hỏi, lên nhà mới (nhập trạch), nhiều gia đình đều tìm đến các thầy - những người có khả năng đặc biệt, có thể dự đoán được tương lai - để xem ngày, xem tuổi, chọn hướng và thực hiện các nghi lễ cần thiết. Theo lời bà Sang (72 tuổi), năm ngoái, con trai bà xây nhà, ngoài lễ động thổ, cất nóc, nhập trạch, mỗi lần đổ trần hết một tầng, gia đình bà đều phải xem ngày giờ và chuẩn bị hương hoa, vàng mã và lễ vật để báo cáo với thần linh, thổ công cai quản khu đất, đồng thời cầu mong quá trình xây dựng diễn ra thuận lợi, an toàn, không gặp sự cố. Những thực hành như vậy cho thấy trong nhận thức của nhiều người, các sự kiện quan trọng của đời sống không chỉ là những hoạt động mang tính chất kinh tế hay kỹ thuật, mà còn liên quan đến mối quan hệ giữa con người với thần linh, tổ tiên và các lực lượng siêu nhiên. Chính vì vậy, trước những thời điểm được xem là bước ngoặt của cuộc đời, người ta thường tìm cách thiết lập hoặc củng cố mối quan hệ ấy thông qua các nghi lễ cúng lễ, cầu khẩn hay tiến dâng. Khuynh hướng này có thể được hiểu từ những lớp văn hóa sâu xa của người Việt bởi: “Hoàn thành nghĩa vụ về phần âm cho phần dương được tốt đẹp hơn đã ngấm sâu vào người Việt Nam một cách vô thức, vô thức đến nỗi mà có nhiều người đã quá trần trụi với những điều chưa làm trọn vẹn...” (Nguyễn Thị Hiền, 2008, tr. 16).

Trong nghiên cứu về an toàn tinh thần ở Việt Nam đương đại, Salemink (2010) cho rằng sự phục hồi của các thực hành tâm linh và tín ngưỡng sau Đổi mới không thể chỉ được hiểu như sự quay trở lại của mê tín hay tàn dư của truyền thống, mà phản ánh nhu cầu tìm kiếm sự bảo đảm tinh thần của con người trong bối cảnh xã hội biến đổi mạnh mẽ. Khi các hình thức bảo đảm truyền thống của cộng đồng làng xã dần suy giảm dưới tác động của kinh tế thị trường và đô thị hóa, con người có xu hướng tìm đến cái thiêng như một

2) Theo thầy Hình, những người sinh ngày 5, 7, 9, 15, 19 là phạm vào những ngày xấu. Những người này, khi lớn lên thì hoặc cha mẹ làm ăn khó khăn, sẽ qua đời rất sớm, hoặc người con sẽ chết trước cha mẹ. Để tránh những kiếp nạn trên, họ cần làm một lễ giải ngày sinh.

nguồn lực tinh thần và có cảm giác được chở che, bảo vệ trước những rủi ro, bất định của đời sống thực tại (Salemink, 2010; Nguyễn Thị Thanh Mai, 2021). Thực tế tại làng An cũng cho thấy nhu cầu ấy không phải xuất phát từ trạng thái lo lắng một cách chung chung, mà gắn với những lĩnh vực của đời sống vốn chứa đựng nhiều yếu tố bất định và vượt ra ngoài khả năng kiểm soát của con người. Trong những hoàn cảnh như vậy, nghi lễ được lựa chọn như một cách thức ứng phó với sự bất định và tạo dựng niềm tin rằng những rủi ro có thể được nhận diện, kiểm soát hoặc hóa giải thông qua sự can thiệp của cái thiêng.

Những thực hành nghi lễ đang diễn ra ở làng An gợi liên tưởng khá rõ đến đời sống tín ngưỡng dân gian ở Trung Quốc mà Chau (2019) đã mô tả trong nghiên cứu của ông về tôn giáo dân gian đương đại. Cũng như Salemink và nhiều học giả khác, Chau cho thấy rằng trong bối cảnh hiện đại hóa, các thực hành tín ngưỡng không hề biến mất mà tiếp tục tồn tại và phát triển như những phương thức giúp con người đối diện với các bất an của đời sống. Đáng chú ý là người dân không nhất thiết phải gắn bó với một cộng đồng tôn giáo cố định hay tuân thủ nghiêm ngặt giáo lý của một tôn giáo cụ thể, họ có thể đồng thời tham gia nhiều hình thức thực hành tín ngưỡng khác nhau, từ đi chùa cầu an, xem bói, cúng giải hạn cho đến tìm đến các thầy cúng hay các địa điểm linh thiêng khác nhau. Điều được quan tâm nhiều hơn không phải nghi lễ ấy thuộc truyền thống tôn giáo nào, mà là nghi lễ ấy có linh ứng, có hiệu nghiệm và có khả năng giải quyết những vấn đề cụ thể của đời sống hay không: “hiệu quả của các nghi lễ (và người thực hiện nghi lễ) mới là điều quan trọng, chứ không phải bản sắc tôn giáo của một người” (Chau, 2019, p. 102).

Cách thức vận hành đó cũng hiện diện trong các thực hành nghi lễ ở làng An. Từ lễ giải mã với chi phí vài chục triệu đồng của gia đình ông Trí cho tới lễ cầu an đầu năm của gia đình ông Lục, điều người tham gia nghi lễ hướng tới không đơn thuần là việc thực hành tín ngưỡng theo nghĩa truyền thống, mà là hy vọng nghi lễ có thể giúp hóa giải vận hạn, khai mở tài lộc và đem lại cảm giác yên tâm về tương lai. Vì thế, như Chau gợi ý, điều đang được tìm kiếm và tiêu dùng ở đây không chỉ là nghi lễ hay đồ lễ, mà còn là cảm giác an toàn tinh thần và niềm tin vào khả năng can thiệp của nghi lễ, của cái thiêng đối với đời sống thực tại: “Một người gặp vấn đề đặc biệt khó khăn có thể đến chùa Đạo giáo, sau đó đến chùa Phật giáo, rồi đến thầy cúng, và thậm chí cả nhà thờ Công giáo hoặc nhà thờ Hồi giáo nếu vấn đề không thể giải quyết bằng các phương pháp khác” (Chau, 2019, p. 100). Logic này cũng có thể được quan sát rộng rãi trong đời sống tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam hiện nay, khi mà người dân tìm đến các nghi lễ không chỉ vì niềm tin tôn giáo theo nghĩa giáo lý, mà còn nhằm giải quyết những vấn đề rất cụ thể của đời sống như bệnh tật, làm ăn, gia đình, tai nạn, mất mát hay khủng hoảng tinh thần. Một người hàng ngày đi chùa lễ Phật nhưng khi gia đình gặp biến cố, họ vẫn có thể tìm đến cửa đền, cửa điện của các ông đồng, bà đồng để xem bói, giải hạn hoặc làm lễ cầu an. Ngược lại, một con nhang đệ tử của một bản điện nào đó cũng có thể lên chùa tụng kinh, làm công quả hay cầu siêu vào những dịp lễ của nhà Phật. Với ý nghĩa đó, cái thiêng không tồn tại như một hệ thống giáo lý khép kín, mà vận hành linh hoạt thông qua các thực hành nghi lễ mang tính thực dụng, được tin là có khả năng đáp ứng nhu cầu của con người trong từng hoàn cảnh cụ thể. Chính trong quá trình thực hành nghi lễ, những khó khăn, vận hạn và bất định của đời sống được diễn giải trong một trật tự thiêng có ý nghĩa, nơi chúng được lý giải là có nguyên nhân và có thể được tác động thông qua sự can thiệp của thần linh. Và như thế, cái thiêng, thứ được tiêu dùng, không chỉ là các nghi lễ, đồ mã hay dịch vụ tâm linh mà còn là cảm giác an toàn, hy vọng và niềm tin vào khả năng can thiệp của cái thiêng đối với đời sống thực tại.

## **2.2. Thầy cúng - chủ thể trung gian kết nối con người với thế giới thiêng**

Trong nghiên cứu của mình, Chau cho rằng phần lớn người dân không thực hành tôn giáo thông qua việc nghiên cứu giáo lý hay suy tư nội tâm, mà chủ yếu thông qua các nghi lễ cụ thể nhằm giải quyết những nhu cầu và vấn đề của đời sống. Những nghi lễ này thường được thực hiện bởi các chuyên gia nghi lễ được các gia đình hoặc cộng đồng thuê để thay mặt họ giao tiếp với thần linh và thực hiện các thủ tục cần thiết (Chau, 2019, p. 99). Quan sát này có nhiều điểm tương đồng với đời sống tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam nói chung, làng An nói riêng. Trong hầu hết các trường hợp làm lễ có đồ mã quan sát được ở làng An, trừ lễ sóc, vọng, cúng giỗ tại gia, người dân không trực tiếp thực hiện các nghi lễ có tính chất phức tạp mà tìm đến những người có năng lực đặc biệt như thầy pháp hoặc ông bà đồng

- “người có ‘căn số’ và có khả năng giao tiếp được với thần linh” (Vũ Hồng Thuật, 2008, tr. 232–233), mà bài viết gọi chung là thầy cúng. Từ lễ giải mã của gia đình ông Trí đến lễ tiến dâng đầu năm của gia đình ông Lục hay các nghi lễ động thổ, cất nóc, nhập trạch của gia đình bà Sang, toàn bộ quá trình chọn ngày, giờ, chuẩn bị đồ mã, viết sớ, đọc văn khấn, thực hiện các nghi thức giao tiếp với thần linh đều có sự tham gia và chủ trì của các thầy, trong khi các gia chủ chủ yếu tham gia với tư cách người thỉnh cầu và thực hiện, thụ hưởng kết quả của nghi lễ. Như vậy, rất gần với các chuyên gia nghi lễ của Trung Quốc, các thầy cúng vừa giữ vai trò là chủ thể trung gian giữa con người với thần linh và cũng là người làm cho cái thiêng trở nên khả dụng như một nguồn lực giúp con người - những gia chủ đang đối diện với biến cố - tìm cách lý giải, ứng phó và vượt qua những khó khăn của mình.

Trước hết, có thể thấy rằng vai trò trung gian của thầy cúng được xây dựng trên nền tảng của một loại tri thức chuyên biệt về thế giới thiêng. Trong quan niệm của người dân địa phương, không phải ai cũng có thể giao tiếp với thần linh, đọc được các tín hiệu của thế giới vô hình hay thực hiện đúng các nghi thức cần thiết để thần linh chứng giám và tiếp nhận lời thỉnh cầu. Những năng lực này đòi hỏi sự am hiểu về hệ thống thần linh, các quy tắc nghi lễ, các loại văn khấn, bùa chú, cách thức lựa chọn thời gian và không gian linh thiêng cũng như kinh nghiệm xử lý những tình huống cụ thể phát sinh trong quá trình hành lễ. Bằng những tri thức dân gian và tín ngưỡng được học, được truyền lại, mỗi thầy cúng lại đưa ra cách lý giải riêng cho các vấn đề mà các gia chủ gặp phải, khiến cho những biến cố, những sự kiện rời rạc, khó lý giải được đặt trong một trật tự thiêng và có thể được ứng xử bằng những thực hành nghi lễ thích hợp: “Sự gia tăng các nghi lễ ở Việt Nam không chỉ là sự bù đắp cho tình trạng bất ổn kinh tế hay thể hiện công khai những tự do văn hoá, sự giàu có mới tìm thấy mà thực chất mang một hình thức giao dịch thương mại giữa thần linh hoặc linh hồn ở thế giới khác hay thế giới âm và khách hàng ở thế giới này hay thế giới dương” (Salemink, 2014, p. 69). Vì thế, khi gặp các vấn đề liên quan đến vận hạn, gia đạo, đất đai hay những biến cố bất thường trong cuộc sống, người dân thường không tự mình thực hiện nghi lễ mà tìm đến thầy cúng như những người có đủ năng lực để “xem”, lý giải nguyên nhân của biến cố và sau đó thay mặt họ tiếp xúc với thế giới thiêng.

Song, tri thức chuyên biệt chưa đủ để tạo nên vị thế của một thầy cúng trong cộng đồng. Điều quyết định uy tín và thẩm quyền của họ trong cộng đồng là niềm tin vào tính hiệu nghiệm của nghi lễ. Do đó, không phải bất kỳ thầy cúng nào cũng được mời đến để thực hiện mọi nghi lễ. Việc chọn người làm chủ lễ thường phụ thuộc vào cảm nhận, đánh giá của gia chủ về năng lực và khả năng xử lý từng loại nghi lễ cụ thể bởi trong nhận thức của họ, mỗi thầy cúng đều có những thế mạnh riêng gắn với một năng lực tâm linh nào đó, thể hiện qua hiệu lực của các nghi lễ mà họ đã thực hiện. Gia đình ông Lục mời thầy Khang đến thực hiện lễ tiến dâng và giải hạn đầu năm bởi: *“lễ tiến dâng, dâng sao giải hạn này là nghi lễ hàng năm nên cũng nhẹ nhàng thôi, không cầu kỳ gì cả. Nếu là lễ nặng mã như lễ tuần lâm tứ cứu [lễ cúng 49 ngày - tác giả chú thích], lễ cầu siêu, trấn yểm... thì sẽ nhờ ông Hình vì ông ấy cao tay hơn”* (vợ ông Lục, 47 tuổi). Trong khi đó, gia đình ông Trí vừa mời thầy Hình về làm lễ trấn yểm ở xưởng, vừa đến điện của thầy để làm lễ giải mã. Ở làng An, không khó để có thể tìm hiểu về một thầy cúng nào đó trong vùng bởi người dân thường truyền tai nhau thông tin về các thầy cúng, ông đồng, bà đồng thông qua các mối quan hệ họ hàng, bạn bè, đồng nghiệp hoặc những người đã từng trải nghiệm nghi lễ trước đó. Uy tín của một thầy cúng không chỉ được xây dựng từ tri thức về nghi lễ hay địa vị xã hội, mà còn từ những câu chuyện về khả năng “xem đúng”, “nói trúng”, giúp gia chủ vượt qua những khó khăn cụ thể trong cuộc sống. Do đó, việc lựa chọn thầy cúng cũng giống như việc lựa chọn một dịch vụ đặc biệt, trong đó yếu tố được quan tâm hàng đầu là tính hiệu nghiệm của nghi lễ và khả năng giải quyết vấn đề mà gia chủ đang đối diện. Niềm tin vào năng lực đó tạo nên thẩm quyền nghi lễ của thầy cúng và giúp họ trở thành những chủ thể trung gian đáng tin cậy.

Thẩm quyền nghi lễ của thầy cúng còn thể hiện ở việc tổ chức và dẫn dắt một trải nghiệm nghi lễ, trong đó thế giới thiêng không còn tồn tại như một hệ thống biểu tượng trừu tượng mà được cảm nhận như đang hiện diện và can dự vào đời sống thực. Thông qua việc lập đàn, khấn thỉnh, dâng lễ, đọc văn cúng, xin âm dương hay diễn giải các dấu hiệu của thần linh, những khái niệm như vận hạn, âm phần, phúc lộc hay sự phù trợ của thần linh được chuyển hóa từ những ý niệm vô hình thành những trải nghiệm mà người tham gia có thể cảm nhận và tin tưởng. Theo cách lý giải của Geertz, chính trong không gian

ngghi lễ, “thế giới được trải nghiệm” (*the world as lived*) và “thế giới được hình dung” (*the world as imagined*) gặp gỡ và hòa nhập vào cùng một hệ thống biểu tượng (1973, p. 112). Những biến cố vốn được trải nghiệm như sự ngẫu nhiên, hỗn loạn (*chaos*) hoặc vượt ngoài khả năng kiểm soát được đặt trong một trật tự thiêng có ý nghĩa, nơi chúng có nguyên nhân, có thể được lý giải và có khả năng được tác động thông qua các thực hành nghi lễ. Trải nghiệm ấy làm cho cái thiêng trở nên có sức thuyết phục đối với người tham gia và niềm tin vào sự hiện diện, khả năng can thiệp của cái thiêng cũng được củng cố.

Bên cạnh đó, điều tạo nên thẩm quyền của các chuyên gia nghi lễ còn thể hiện ở niềm tin rằng nghi lễ họ thực hiện có tính hiệu nghiệm trong việc giải quyết những vấn đề cụ thể của đời sống (Chau, 2019). Thấy cúng không chỉ giúp thiết lập mối liên hệ với thế giới thiêng mà còn được kỳ vọng có khả năng huy động sức mạnh của cái thiêng để can thiệp vào những khó khăn, bất trắc mà gia chủ đang đối diện. Niềm tin vào tính hiệu nghiệm ấy là cơ sở để họ tiếp tục lựa chọn, đánh giá và tìm đến những thầy cúng mà họ cho là “cao tay”, “mát tay”, qua đó củng cố vị thế của thầy cúng như những chủ thể trung gian trong quá trình tiếp cận và tiêu dùng cái thiêng. Mặc dù những nghi lễ này không thể bảo đảm cho các gia chủ hoàn toàn tránh khỏi mọi rủi ro hay biến cố, nhưng với tâm lý “có thờ có thiêng”, việc giao tiếp với thế giới thiêng thông qua những người trung gian tâm linh được cho là có thể làm dịu những bất an cụ thể và đem lại cảm giác được che chở, từ đó giúp họ có thêm sự tự tin để tiếp tục đối diện với các quyết định và biến động của đời sống. Những quan sát thực địa cho thấy, sau khóa lễ, các gia chủ đều cảm thấy yên tâm hơn khi những điều họ lo lắng được gửi gắm đến thần linh thông qua các nghi thức và lễ vật cần thiết. Điều này khá tương đồng với nhận định của Salemink rằng: “an toàn tinh thần được tìm kiếm thông qua những người làm trung gian về tâm linh không chỉ bù đắp cho sự bất an của thị trường không dự đoán được mà còn tạo ra vốn xã hội cần thiết cho việc đầu tư một cách tự tin vào kinh doanh mới (hoặc cũ)...” (Salemink, 2010, p. 16).

### 3. Kết luận

Sự phát triển của xã hội hiện đại cùng với khoa học, công nghệ và tư duy duy lý không đồng nghĩa với việc con người có thể kiểm soát hoàn toàn đời sống của mình. Trái lại, quá trình đó cũng đồng thời tạo ra những dạng thức bất định và rủi ro mới mà các nguồn lực duy lý không phải lúc nào cũng có thể hóa giải. Trong bối cảnh đó, cái thiêng không mất đi mà tiếp tục được huy động như một nguồn lực biểu tượng giúp con người lý giải các biến cố, giảm bớt cảm giác bất an và củng cố niềm tin vào khả năng vượt qua những khó khăn của đời sống. Từ trường hợp nghiên cứu ở một địa bàn cụ thể, bài viết góp phần cho thấy rằng hiện đại hóa không tất yếu dẫn đến sự suy giảm của cái thiêng như nhiều dự báo của các lý thuyết thể tục hóa cổ điển. Trái lại, cái thiêng tiếp tục được tái cấu trúc và vận hành trong những điều kiện xã hội mới, phản ánh cách con người thích ứng với những bất định của đời sống. Trong quá trình đó, thầy cúng giữ vai trò trung tâm với tư cách là những chủ thể trung gian giữa con người và thế giới thiêng. Thông qua hệ thống tri thức nghi lễ, khả năng diễn giải các biến cố và việc tổ chức các thực hành nghi lễ, họ làm cho cái thiêng trở nên có thể tiếp cận và huy động như một nguồn lực nhằm giải quyết các nhu cầu cụ thể của gia chủ.

#### Tài liệu tham khảo

- Chau, A. Y. (2019). *Religion in China*. Polity Press.
- Durkheim, E. (1995). *The elementary forms of religious life* (K. E. Fields, Trans.). Free Press. (Original work published 1912)
- Eliade, M. (2016). *Thiêng và phàm: Bản chất của tôn giáo* (Huyền Giang, dịch). NXB Tri thức.
- Geertz, C. (1973). *The interpretation of cultures: Selected essays*. Basic Books.
- Nguyễn Thị Hiền (2008). Nghiên cứu tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam đương đại. Trong Lê Hồng Lý & Nguyễn Thị Phương Châm (Biên tập), *Sự biến đổi của tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*. NXB Thế giới, tr. 7–36.
- Nguyễn Thị Thanh Mai (2021). Vai trò của tín ngưỡng thờ Mẫu đối với “an ninh tinh thần” của người Việt trong đời sống xã hội hiện nay: Qua khảo sát trên địa bàn Hà Nội. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh*, 16(1), 87–96.
- Salemink, O. (2010). Tìm kiếm an toàn tinh thần trong xã hội Việt Nam đương đại. Trong *Hiện đại và động thái của truyền thống ở Việt Nam: Những cách tiếp cận nhân học* (tập 2). NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 1–22.
- Salemink, O. (2014). Ritual efficacy, spiritual security and human security: Spirit mediumship in contemporary Vietnam. *Vietnam Social Sciences*, 6 (164), 59–81.
- Vũ Hồng Thuật (2008). Đời sống tâm linh của chiếc ván in bùa trấn trạch. Trong Lê Hồng Lý & Nguyễn Thị Phương Châm (Biên tập), *Sự biến đổi của tôn giáo, tín ngưỡng ở Việt Nam hiện nay*. NXB Thế giới, tr. 227–257.